

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN
THIỆT HÀ TĨNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
cùng với báo cáo của kiểm toán viên*



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-21
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-21

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HÀ TĨNH

Số 2, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO CỦA Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ, tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết được thành lập theo Quyết định số 574/QĐ/UB ngày 28/04/1993 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 01/10/2007 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, về việc phê duyệt Đề án chuyển Công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 3000108753, đăng ký lần đầu ngày 14/10/2008, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 27/05/2014 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 2, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tổng Tuấn Long

Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA Giám đốc ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HÀ TĨNH

Số 2, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Tông Tuấn Long

Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 2 năm 2022

Số: 21.102/2022/BCKT.TC-KSIHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2022, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

i) Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ các khoản mục: "Phải thu khách hàng với giá trị 80 triệu đồng, Tạm ứng với giá trị 165 triệu đồng, Phải thu khác với giá trị 51 triệu đồng, Hàng tồn kho với giá trị 33,7 triệu đồng". Bằng các thủ tục thay thế, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng để đưa ra ý kiến về mặt giá trị cũng như khoản dự phòng cần phải trích lập (nếu có) của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính.

ii) Tính đến hết thời điểm 31/12/2021, khoản lỗ lũy kế của đơn vị là 6 tỷ đồng, lớn hơn số vốn điều lệ thực góp 4,4 tỷ đồng (Vốn điều lệ theo đăng ký là 30 tỷ đồng). Điều này có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Báo cáo tài chính và các thuyết minh đính kèm vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” và các ảnh hưởng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tính đến hết thời điểm 31/12/2021, khoản lỗ lũy kế của đơn vị là 6 tỷ đồng, lớn hơn số vốn điều lệ thực góp 4,4 tỷ đồng (Vốn điều lệ theo đăng ký là 30 tỷ đồng). Điều này có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Báo cáo tài chính và các thuyết minh đính kèm vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với cam kết góp vốn bổ sung và mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Như đã nêu tại thuyết minh số 4.7, tại thời điểm 31/12/2021 - Đơn vị còn tồn đọng khoản nợ thuế theo Công văn số: 299/TB-CT-QLN ngày 25/01/2022 với số tiền là: 2.944.838.449 đồng. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 1.240.735.835 đồng

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam Chi nhánh Hà Nội



Đỗ Khắc Tiến

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1150-2018-046-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2022

Trần Thị Thanh Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2512-2022-046-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.599.265.794	2.854.016.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.698.069.271	1.477.000.574
1. Tiền	111		1.698.069.271	977.000.574
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.654.610.862	1.152.453.363
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		80.828.184	80.828.184
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.2	1.573.782.678	1.071.625.179
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	246.585.661	224.562.793
1. Hàng tồn kho	141		246.585.661	224.562.793
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		594.344.159	550.098.197
II. Tài sản cố định	220		64.099.014	82.735.374
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	64.099.014	82.735.374
- Nguyên giá	222		2.525.964.911	2.525.964.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.461.865.897)	(2.443.229.537)
Tài sản cố định vô hình	227	4.5	-	-
- Nguyên giá	228		75.132.000	75.132.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.132.000)	(75.132.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.288.000	55.288.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.288.000	55.288.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		474.957.145	412.074.823
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	474.957.145	412.074.823
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.193.609.953	3.404.114.927

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.768.931.486	4.608.726.180
I. Nợ ngắn hạn	310		5.382.431.486	4.217.226.180
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		857.976.099	834.562.099
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7	3.405.563.952	2.585.893.663
3. Phải trả người lao động	314		3.030.660	3.704.140
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.115.860.775	793.066.278
II. Nợ dài hạn	330		386.500.000	391.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		386.500.000	391.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(1.575.321.533)	(1.204.611.253)
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.8	(1.575.321.533)	(1.204.611.253)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4.481.023.054	4.481.023.054
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.062.068.771)	(5.691.358.491)
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		5.724.184	5.724.184
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.193.609.953	3.404.114.927

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Người lập biểu


Nguyễn Thị Quỳnh Hương
Kế toán trưởng

Tống Tuấn Long
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	24.671.159.682	25.445.143.082
Doanh thu bán hàng hóa			24.671.159.682	25.445.143.082
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.671.159.682	25.445.143.082
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	22.256.808.927	22.027.294.652
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.414.350.755	3.417.848.430
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.050.231	37.742.961
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.3	3.125.088.832	3.371.310.809
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(704.687.846)	84.280.582
8. Thu nhập khác	31		630.654.442	560.168.068
9. Chi phí khác	32		296.676.876	264.995.914
10 Lợi nhuận khác	40		333.977.566	295.172.154
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(370.710.280)	379.452.736
12 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(370.710.280)	379.452.736

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Hương

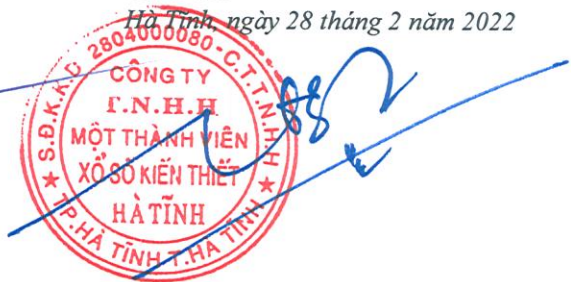
Kế toán trưởng



Tống Tuấn Long

Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 2 năm 2022



(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.044.324.488	29.342.098.296
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(17.648.811.083)	(17.535.408.456)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.537.910.782)	(1.788.272.534)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.892.692.608	2.021.303.674
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.563.609.765)	(11.572.537.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		186.685.466	467.183.679
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(148.469.818)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(800.533.526)	(500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		828.866.526	1.068.137.442
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.050.231	690.374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		34.383.231	420.357.998
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		221.068.697	887.541.677
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.477.000.574	589.458.897
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4.1	1.698.069.271	1.477.000.574

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh Hương
Kế toán trưởng

Tổng Tuấn Long



Giám đốc
Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 2 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ, tiền thân là Công ty Xổ số kiến thiết được thành lập theo Quyết định số 574/QĐ/UB ngày 28/04/1993 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 01/10/2007 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, về việc phê duyệt Đề án chuyển Công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 3000108753, đăng ký lần đầu ngày 14/10/2008, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 27/05/2014 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp. Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 2, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh điện năng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 ngày 27/05/2014 là: Kinh doanh các loại hình vé số.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày báo cáo tài chính, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 - 05 năm

3.5 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng

3.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

3.7 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

3.8 Doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu kinh doanh xổ số

Doanh thu được ghi nhận theo Điều 9 Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

3.9 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

3.10 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn...;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.11 Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.548.872.555	955.927.875
Tiền gửi ngân hàng (*)	149.196.716	21.072.699
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
	<u>1.698.069.271</u>	<u>1.477.000.574</u>

(*) Số dư Tiền gửi ngân hàng tại các Ngân hàng ngày 31/12/2021 là: 280.303.257 VNĐ.

Nguyên nhân chênh lệch số tiền 131.106.541 VNĐ là do đơn vị đã phản ánh khoản thanh toán Chi phí tiền lương Tháng 12/2021 ngày 07/01/2022 về ngày 31/12/2021.

4.2 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.573.782.678	-	1.071.625.179	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	544.833	-	554.334	-
Tạm ứng	518.130.150	-	517.630.150	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Cho mượn (1)	-	-	-	-
Các khoản chi hộ	-	-	-	-
Phải thu khác	1.055.107.695	-	553.440.695	-
	<u>1.573.782.678</u>	<u>-</u>	<u>1.071.625.179</u>	<u>-</u>

Phải thu khác bao gồm khoản tiền hợp tác kinh doanh:

4.3 HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	17.135.725	-	17.135.725	-
Vé xổ số	229.449.936	-	207.427.068	-
	<u>246.585.661</u>	<u>-</u>	<u>224.562.793</u>	<u>-</u>

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm:

- 67.770.865 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT HÀ TĨNH

Số 2, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4.4 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	931.917.258	53.636.363	1.098.811.351	303.434.484	138.165.455	2.525.964.911
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	931.917.258	53.636.363	1.098.811.351	303.434.484	138.165.455	2.525.964.911
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	931.917.258	53.636.363	1.098.811.351	220.699.110	138.165.455	2.443.229.537
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	18.636.360	-	18.636.360
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	931.917.258	53.636.363	1.098.811.351	239.335.470	138.165.455	2.461.865.897
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	82.735.374	-	82.735.374
Tại ngày cuối năm	-	-	-	64.099.014	-	64.099.014

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	75.132.000	-	75.132.000
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	75.132.000	-	75.132.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	75.132.000	-	75.132.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	75.132.000	-	75.132.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dài hạn	474.957.145	412.074.823
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	474.957.145	412.074.823
	474.957.145	412.074.823

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT HÀ TĨNH

Số 2, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**4.7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		901.994.237		3.295.503.928		2.748.360.311		-		-	1.449.137.854
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-		1.683.899.426		4.081.488.473		3.810.465.801		-		-	1.954.922.098
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		-		-		-		-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		-		-		-		-		-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		73.903.146		72.399.146		-		-	1.504.000
Thuế Tài nguyên	-		-		-		-		-		-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		88.818.509		88.818.509		-		-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-		-		-		-		-		-	-
Các loại thuế khác	-		-		4.000.000		4.000.000		-		-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		-		-		-		-	-
	-		2.585.893.663		7.543.714.056		6.724.043.767		-		-	3.405.563.952

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.
+ Tại thời điểm 31/12/2021 - Đơn vị còn tồn đọng khoản nợ thuế theo Công văn số: 299/TB-CT-QLN ngày 25/01/2022 với số tiền là: 2.944.838.449 đồng. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 1.240.735.835 đồng

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT HÀ TĨNH

Số 2, đường Nguyễn Công Trứ, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	4.481.023.054		5.724.184		(6.070.811.227)		(1.584.063.989)
Tăng vốn trong năm trước	-		-		-		-
Lãi/lỗ trong năm trước	-		379.452.736		-		379.452.736
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-
Mua cổ phiếu quỹ	-		-		-		-
Tặng khác	-		-		-		-
Giảm vốn trong năm trước	-		-		-		-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-		-		-		-
Giảm khác	-		-		-		-
Số dư cuối năm trước	4.481.023.054		5.724.184		(5.691.358.491)		(1.204.611.253)
Số dư đầu năm nay	4.481.023.054		5.724.184		(5.691.358.491)		(1.204.611.253)
Tăng vốn trong năm nay	-		-		-		-
Lãi/lỗ trong năm nay	-		-		(370.710.280)		(370.710.280)
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-
Mua cổ phiếu quỹ	-		-		-		-
Tặng quỹ	-		-		-		-
Giảm vốn trong năm nay	-		-		-		-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-		-		-		-
Giảm khác	-		-		-		-
Số dư cuối năm nay	4.481.023.054		5.724.184		(6.062.068.771)		(1.575.321.533)

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 3000108753, đăng ký lần đầu ngày 14/10/2008, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 27/05/2014, vốn điều lệ của Công ty là 30 tỷ đồng, tuy nhiên số vốn thực góp mới đạt 4.481.023.054đ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT**5.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.671.159.682	25.445.143.082
	<u>24.671.159.682</u>	<u>25.445.143.082</u>

5.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.256.808.927	22.027.294.652
	<u>22.256.808.927</u>	<u>22.027.294.652</u>

5.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.050.231	37.742.961
	<u>6.050.231</u>	<u>37.742.961</u>

5.3 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.783.211.487	1.986.806.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.636.360	10.446.444
Thuế, phí, lệ phí	92.818.509	106.473.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.988.486	44.706.182
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	308.265.607	207.917.514
Chi phí hội đồng thành viên	239.709.358	328.676.396
Chi phí khác bằng tiền	641.459.025	686.284.292
	<u>3.125.088.832</u>	<u>3.371.310.809</u>

6. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

7. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Hương
Kế toán trưởng



Tổng Tuấn Long
Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 2 năm 2022

